

TỔNG QUAN

Giá lương thực, thực phẩm giảm do nguồn cung dồi dào, giá điện, nước sinh hoạt cũng giảm theo nhu cầu tiêu dùng là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 4/2021 giảm so với tháng trước. Trong khi đó, cán cân thương mại hàng hóa cả nước nhập siêu trở lại trong tháng 4.

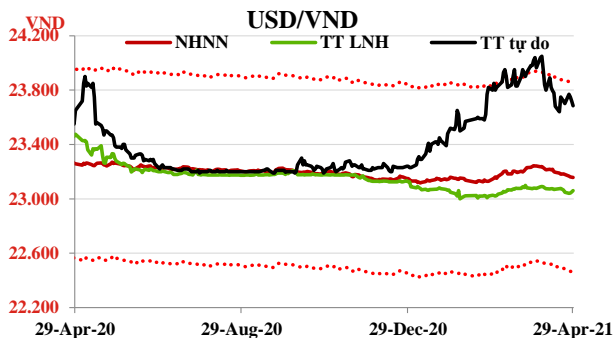
Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 4/2021 giảm 0,04% so với tháng trước, tăng 1,27% so với tháng 12/2020. So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 4 tăng 2,7%; CPI bình quân 4 tháng đầu năm 2021 tăng 0,89%, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016; lạm phát cơ bản 4 tháng tăng 0,74%. Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính tháng 4/2021 có 4 nhóm giảm giá so với tháng trước, 6 nhóm tăng giá, riêng nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giữ giá ổn định. Trong 4 nhóm hàng giảm giá, nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 4 giảm 0,13% so với tháng trước (làm CPI chung giảm 0,04 đpt) do giá gạo, thịt lợn, thịt bò, thịt gà, thủy sản giảm nhờ nguồn cung dồi dào. Nhóm nhà ở và VLXD giảm 0,43% so với tháng trước (làm CPI chung giảm 0,08 đpt) do chỉ số giá điện, nước sinh hoạt lần lượt giảm 0,73% và 1,57%; bên cạnh đó giá gas giảm 4,86% do giá gas trong nước điều chỉnh giảm 20.500 đồng/bình 12 kg sau khi giá gas thế giới giảm 65 USD/tấn. Nhóm bưu chính, viễn thông giảm 0,2% chủ yếu do các doanh nghiệp đẩy mạnh chương trình khuyến mại giảm giá đối với các sản phẩm điện thoại mẫu mã cũ. Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,11% do giá hoa, cây cảnh giảm 7,32% so với tháng trước. Trong 6 nhóm hàng tăng giá, nhóm giao thông có mức tăng so với tháng trước cao nhất với 0,87% (làm CPI chung tăng 0,08 đpt) do ảnh hưởng của các đợt điều chỉnh tăng, giảm giá xăng, dầu vào ngày 27/3/2021, 12/4/2021 và 27/4/2021, trong đó bình quân giá xăng E5 tăng 260 đồng/lít so với tháng trước, giá xăng A95 tăng 280 đồng/lít, giá dầu diezen giảm 80 đồng/lít. Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,14% so với tháng trước chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng các mặt hàng nước khoáng và nước có gas tăng. Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,11% do giá các sản phẩm sử dụng nhiều vào dịp hè như tủ lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, quạt điện tăng. Nhóm giáo dục tăng 0,03%, trong đó giá văn phòng phẩm tăng 0,23%. Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,01% do giá thuốc các loại tăng 0,03%. Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,07%.

So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 4/2021 tăng 2,7%. Trong 11 nhóm hàng chính có 9 nhóm tăng giá và 2 nhóm giảm giá. Nhóm giao thông tăng cao nhất 17,67% so với tháng 4/2020 do cùng kỳ năm trước giá xăng, dầu trong nước giảm sâu theo giá nhiên liệu thế giới, bên cạnh đó cùng thời gian này năm 2020, triển khai Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19 nên nhu cầu đi lại của người dân giảm mạnh trong thời gian giãn cách xã hội. Ở chiều ngược lại, trong nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống, nhóm thực phẩm tháng 4/2021 giảm 0,65% so với cùng kỳ năm trước do giá thịt lợn tháng 4/2020 ở mức cao vì chịu ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi nên nguồn cung thiếu, cùng với việc người dân hạn chế tối đa ra ngoài, nhu cầu dự trữ hàng hóa và ăn uống tại nhà nhiều hơn làm giá các mặt hàng thực phẩm tăng cao. Trong tháng 4, nhóm bưu chính, viễn thông giảm nhiều nhất với 0,74% do giá các loại điện thoại giảm.

Về xuất nhập khẩu hàng hóa, ước tính tháng 4/2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 25,5 tỷ USD, giảm 14% so với tháng trước và tăng 44,9% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch XK hàng hóa ước tính đạt 103,9 tỷ USD, tăng 28,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 25,76 tỷ USD, tăng 12,8%, chiếm 24,8% tổng kim ngạch XK; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 78,14 tỷ USD, tăng 34,4%, chiếm 75,2%. Trong 4 tháng có 19 mặt hàng đạt kim ngạch XK trên 1 tỷ USD, chiếm 84,5% tổng kim ngạch XK. Về cơ cấu nhóm hàng XK 4 tháng đầu năm 2021, nhóm hàng công nghiệp nặng và khoáng sản ước tính đạt 57,58 tỷ USD, tăng 33% so với cùng kỳ năm trước; Nhóm hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp ước tính đạt 36,6 tỷ USD, tăng 27,5%; Nhóm hàng nông, lâm sản đạt 7,33 tỷ USD, tăng 8,8%; Nhóm hàng thủy sản đạt 2,39 tỷ USD, tăng 6,1%.

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính tháng 4/2021 đạt 27 tỷ USD, giảm 5,1% so với tháng trước và tăng 43,5% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 4 tháng đầu năm 2021, kim ngạch NK hàng hóa ước tính đạt 102,61 tỷ USD, tăng 30,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 35,69 tỷ USD, tăng 24,8% khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 66,92 tỷ USD, tăng 34,2%. Trong 4 tháng đầu năm 2021 có 19 mặt hàng NK đạt kim ngạch trên 1 tỷ USD, chiếm 77,4% tổng kim ngạch NK. Về cơ cấu NK hàng hóa 4 tháng đầu năm 2021, nhóm hàng tư liệu sản xuất ước tính đạt 96,31 tỷ USD, tăng 31,4% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 93,9% tổng kim ngạch NK hàng hóa; Nhóm hàng tiêu dùng ước tính đạt 6,3 tỷ USD, tăng 22,5% và chiếm 6,1%. Cán cân thương mại hàng hóa tháng 4 ước tính nhập siêu 1,5 tỷ USD; ước tính 4 tháng đầu năm 2021 xuất siêu 1,29 tỷ USD, trong đó khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 9,92 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 11,21 tỷ USD.

• **Thị trường ngoại tệ**



Trong 4 phiên tuần từ 26/04 - 29/04, tỷ giá trung tâm tiếp tục được NHNN điều chỉnh theo xu hướng giảm. Chốt phiên 29/04, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.158 VND/USD, giảm mạnh 21 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá mua kỳ hạn 6 tháng được duy trì niêm yết ở mức 23.125 VND/USD. Tỷ giá bán được NHNN niêm yết ở mức thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá, chốt ngày 29/04 ở mức 23.803 VND/USD.

Tỷ giá LNH tuần qua tăng nhẹ 2 phiên đầu tuần và giảm trở lại ở các phiên cuối. Chốt ngày 29/04, tỷ giá LNH đóng cửa tại 23.053 VND/USD, giảm 05 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do giảm qua các phiên trong tuần qua. Chốt tuần 29/04, tỷ giá tự do giảm 105 đồng ở chiều mua vào và 85 đồng ở chiều bán ra so với phiên cuối tuần trước đó, giao dịch tại 23.625 – 23.685 VND/USD.

• **Thị trường tiền tệ liên ngân hàng**

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	0.99	0.53	0.15	0.01	3Y	0.68	0.009
1W	1.24	0.63	0.19	0.01	5Y	1.18	0.005
2W	1.21	0.51	0.23	0.00	7Y	1.47	0.038
1M	1.24	0.36	0.34	0.01	10Y	2.36	0.017
2M	1.33	0.29	0.44	0.01	15Y	2.60	0.031
3M	1.47	0.19	0.57	0.00			
6M	1.96	0.08	0.92	0.04			
9M	2.63	0.04	1.24	0.08			
1Y	3.31	0.02	1.33	0.11			

Nguồn: Reuters

Trong tuần từ 26/04 - 29/04, lãi suất VND LNH biến động tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn, tuy nhiên đã giảm nhẹ trở lại phiên trước kỳ nghỉ lễ. Chốt phiên 29/04, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 0,99% (+0,53 đpt); 1W 1,24% (+0,63 đpt); 2W 1,21% (+0,51 đpt); 1M 1,24% (+0,36 đpt).

Lãi suất USD LNH chỉ dao động tăng – giảm nhẹ qua các phiên. Chốt tuần 29/04, lãi suất tăng 0,01 đpt ở hầu hết các kỳ hạn từ 1M trở xuống ngoại trừ giữ nguyên ở kỳ hạn 2W, đóng cửa tại 0,15%; 1W 0,19%; 2W 0,23% và 1M 0,34%.

• **Thị trường mở**

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ.đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
29-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
28-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
27-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
26-04-21	1	7	2.50	1,000	-	-	-	-
Tổng cộng				4,000	-	-	-	-

Trên thị trường mở tuần từ 26/04 - 29/04, NHNN chào thầu 1.000 tỷ đồng/phiên suốt cả 4 phiên trên kênh cầm cố, với kỳ hạn 07 ngày, lãi suất đều ở mức 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu, không có khối lượng lưu hành trên kênh này.

NHNN tiếp tục không chào thầu tín phiếu NHNN.

• **Thị trường trái phiếu**

Giao dịch trên thị trường sơ cấp: Trong tuần từ 26/04 - 29/04, KBNN huy động thành công 7.142/8.750 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 82%). Trong đó, kỳ hạn 5 năm huy động được 669/1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm huy động 3.900/4.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm huy động 1.823/3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 30 năm huy động được toàn bộ 750 tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm tại 1,16%/năm (+0,01%); kỳ hạn 10 năm tại 2,36%/năm (+0,02%); kỳ hạn 15 năm tại 2,56%/năm (+0,01%); kỳ hạn 30 năm không đổi tại 3,05%/năm.

Trong tuần qua có 7.000 tỷ đồng TPCP đáo hạn.

Tuần từ 03/05 – 07/05, KBNN gọi thầu 8.000 tỷ đồng TPCP (chưa bao gồm đấu thầu bổ sung). Trong tuần có 5.200 tỷ đồng TPCP đáo hạn.

Thị trường TPCP sơ cấp

đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
MOF	28-Apr-21	5	1000	669	1.16%	0.01%	67%	2.67	8
MOF	28-Apr-21	10	4000	3900	2.36%	0.02%	98%	2.60	14
MOF	28-Apr-21	15	3000	1823	2.56%	0.01%	61%	1.94	9
MOF	28-Apr-21	30	750	750	3.05%	0.00%	100%	2.60	7
Tổng			8750	7142			82%	2.38	

Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 13.088 tỷ đồng/phiên, tăng mạnh từ mức 9.181 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
26/Apr/21	-	1,474	4,786	2,660	8,921	26/Apr/21	4,070	773	325	-	5,167
27/Apr/21	52	823	2,423	2,132	5,429	27/Apr/21	6,689	3,621	-	-	10,310
28/Apr/21	52	1,541	2,368	723	4,684	28/Apr/21	4,625	4,246	-	-	8,871
29/Apr/21	-	1,861	3,432	974	6,267	29/Apr/21	1,039	1,407	257	-	2,702
Tổng	104	5,700	13,009	6,488	25,301	Tổng	16,422	10,046	582	-	27,051
+_ WoW		1,641	71	(2,088)	(272)	+_ WoW	10,096	5,667	138		15,902
% WoW		40%	1%	-24%	-1%	% WoW	160%	129%	31%		143%
Tỷ trọng	0%	23%	51%	26%	100%	Tỷ trọng	61%	37%	2%	0%	100%

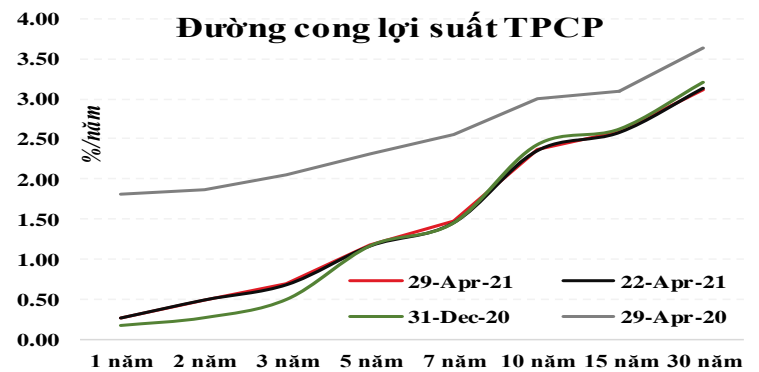
Đvt: Tỷ đồng

Đvt: Tỷ đồng

Trong tuần 26/04 - 29/04, lợi suất TPCP biến động trái chiều so với tuần trước đó. Chốt phiên 29/04, lợi suất TPCP giao dịch quanh: 1 năm 0,26% (+0,01 đpt); 2 năm 0,48% (không đổi); 3 năm 0,68% (+0,01 đpt); 5 năm 1,18% (+0,03 đpt); 7 năm 1,47% (+0,03 đpt); 10 năm 2,36% (+0,02 đpt); 15 năm 2,60% (+0,02 đpt); 30 năm 3,11% (-0,02 đpt).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp

%/năm	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	30 năm
29-Apr-21	0.26	0.48	0.68	1.18	1.47	2.36	2.60	3.11
So WoW	0.007	0.000	0.01	0.026	0.03	0.021	0.020	-0.02
So YoY	-1.55	-1.38	-1.37	-1.13	-1.08	-0.64	-0.51	-0.52
So YTD	0.09	0.21	0.18	0.01	0.02	-0.06	-0.03	-0.10

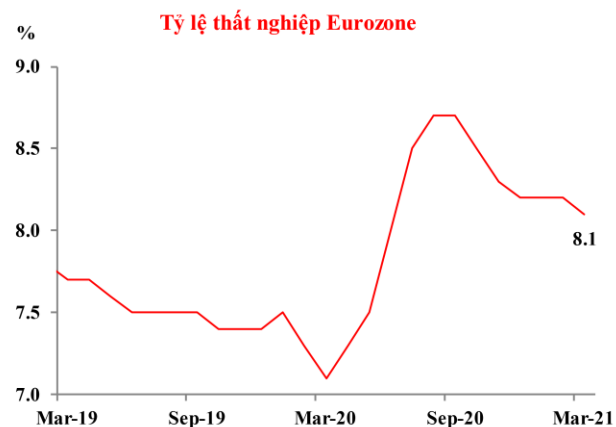
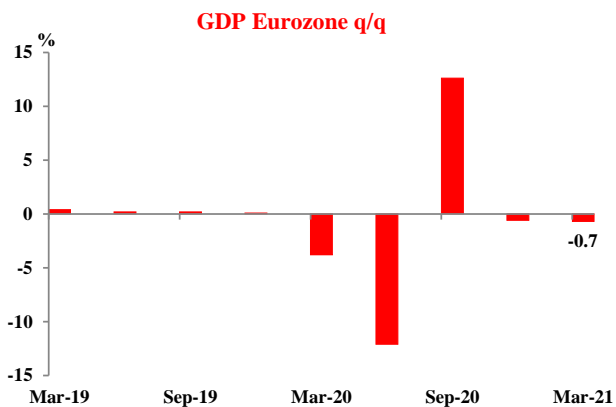
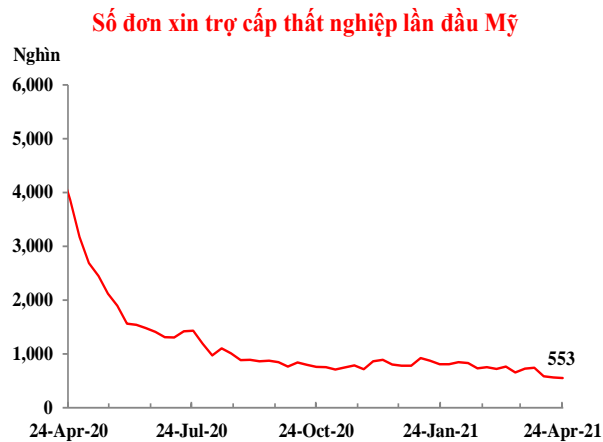
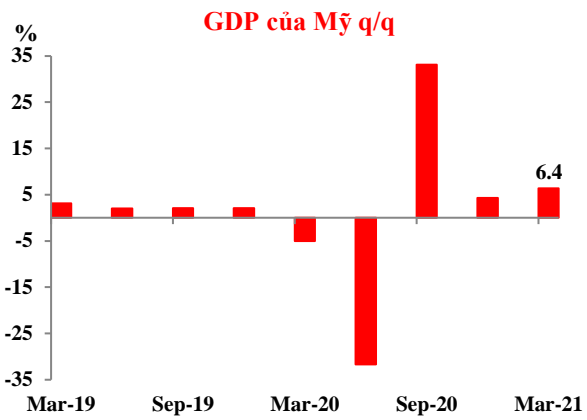


• Thị trường chứng khoán

29/04/21	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1239.39	281.75	80.68
<i>thay đổi so với tuần trước</i>	-0.73%	-0.66%	0.35%
<i>thay đổi so với đầu năm</i>	12.28%	38.71%	8.37%
KLGD/phiên (tr.đ.v)	655.74	99.78	0.04
<i>thay đổi so với tuần trước</i>	-16.67%	-34.91%	-46.23%
GTGD/phiên (tỷ đ)	17366.37	1849.02	0.0005
<i>thay đổi so với tuần trước</i>	-16.97%	-33.42%	-38.49%
ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)	(852.70)	58.67	(0.00)

Thị trường chứng khoán tuần từ 26/04 - 29/04 không xác định rõ xu hướng, tăng - giảm đan xen qua các phiên. Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần, VN-Index đứng ở mức 1.239,39 điểm, giảm 9,14 điểm (-0,73%) so với tuần trước đó; HNX-Index giảm 1,88 điểm (-0,66%) xuống 281,75 điểm; UPCoM-Index tăng 0,28 điểm (+0,35%) lên 80,68 điểm.

Thanh khoản thị trường giảm mạnh so với thời gian trước đó với giá trị giao dịch đạt trên 19.200 tỷ đồng/phiên. Khối ngoại vẫn bán ròng hơn 794 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong tuần qua.



Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Fed và NHTW Nhật Bản BOJ đều không thay đổi CSTT trong phiên họp tháng 4. Cụ thể, Fed cho biết sự phục hồi của kinh tế Mỹ ngày càng tươi sáng hơn, tuy nhiên, cơ quan này cũng nhận định còn nhiều người dân Mỹ đang mất việc làm. Lạm phát đã tăng lên nhưng là do “các yếu tố nhất thời” và do “hiệu ứng số”. Theo đó, Fed quyết định vẫn tiếp tục CSTT nói lỏng như hiện nay, giữ LSCS ở mức 0% - 0,25%, đồng thời duy trì chương trình thu mua tài sản bao gồm TPCP Mỹ và chứng khoán có tài sản cầm cố với khối lượng 120 tỷ USD/tháng. Thông báo sau cuộc họp của Fed không cho thấy dấu hiệu nào về việc thay đổi các CSTT này. Về BOJ, cơ quan này duy trì LSCS ở mức -0,1%. Bên cạnh đó tiếp tục thu mua TPCP nếu cần thiết mà không giới hạn mức trần khối lượng, nhằm duy trì LS TPCP kỳ hạn 10 năm ở mức quanh 0%. BOJ khẳng định sẽ tiếp tục chương trình nói lỏng tiền tệ định lượng và định tính (QQE) nhằm đạt được lạm phát ổn định ở mức 2,0%.

Nước Mỹ đón nhận nhiều thông tin kinh tế quan trọng, đáng chú ý là việc GDP tiếp tục phục hồi mạnh mẽ trong quý đầu năm 2021. Đầu tiên, GDP nước Mỹ tăng 6,4% q/q trong quý I/2021 sau khi tăng 4,3% ở quý trước đó, thấp hơn một chút so với mức tăng 6,8% như kỳ vọng của các chuyên gia. Đây là mức tăng theo quý mạnh thứ hai kể từ thập niên 1960. Tiếp theo, Conference Board khảo sát cho thấy niềm tin tiêu dùng tại nước Mỹ ở mức 121,7 điểm trong tháng 4, tăng mạnh từ 109,0 điểm của tháng 3, thậm chí vượt mạnh so với mức 113,1 điểm theo kỳ vọng. Giá nhà tại Mỹ tăng 0,9% m/m trong tháng 2, nối tiếp đà tăng của tháng 1 và cũng là dự báo ở mức 1,0%. Doanh số nhà chờ bán tại Mỹ trong tháng 3 tăng 1,9% m/m sau khi giảm 11,5% ở tháng trước đó, thấp hơn so với mức tăng 4,2% theo dự báo. Về thị trường lao động, số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ tuần kết thúc ngày 24/04 ở mức 553 nghìn đơn, giảm nhẹ từ 556 nghìn đơn của tuần trước đó, song vẫn cao hơn một chút so với mức 545 nghìn theo dự báo. Thu nhập bình quân của người dân Mỹ tăng vọt 21,1% m/m trong tháng 3 sau khi giảm 7,0% ở tháng trước đó, tích cực hơn mức tăng 20,1% theo dự báo.

Liên minh Châu Âu EU và nước Anh chính thức thông qua thỏa thuận Brexit. Cũng trong tuần qua, Eurozone đón một số thông tin kinh tế trái chiều. Ngày 28/04/2021, Nghị viện Châu Âu EP bỏ phiếu Thỏa thuận Thương mại và hợp tác EU-Anh TCA với 660 phiếu thuận, 5 phiếu chống, 32 phiếu trắng, theo đó chính thức định hình mối quan hệ thương mại giữa EU và Vương quốc Anh thời kỳ hậu Brexit (nước Anh đã thông qua văn kiện này ngày 30/12/2020). Thỏa thuận trên bao gồm các quy định nhằm đảm bảo tự do thương mại với hàng hóa sản xuất tại Anh xuất sang EU và ngược lại, thiết lập các quy định về hợp tác trong một số lĩnh vực, bao gồm đánh bắt cá, hàng không, vận tải cùng một số dịch vụ khác. Liên quan đến kinh tế Eurozone, GDP khu vực này giảm 0,6% q/q trong quý I/2020, nối tiếp đà giảm 0,7% của quý trước đó, tuy nhiên chưa tiêu cực như mức giảm 0,8% theo dự báo. Tỷ lệ thất nghiệp tại Eurozone ở mức 8,1% trong tháng 3, giảm nhẹ từ mức 8,2% của tháng 2, trái với dự báo tăng lên mức 8,3%. CPI toàn phần và CPI lõi sơ bộ của Eurozone lần lượt tăng 1,6% và 0,8% y/y trong tháng 4, khớp với dự báo của các chuyên gia. Nói riêng về nước Đức, GDP của quốc gia này suy giảm 1,7% q/q trong quý I/2021 sau khi tăng nhẹ 0,3% ở quý trước đó, nghiêm trọng hơn dự báo giảm 1,5%.

DowJones (Mỹ) ↓ 33874.85 -0.50%	DAX (Đức) ↓ 15135.91 -0.94%	Shanghai (Trung Quốc) ↓ 3446.8564 -0.79%
---	---	--

Thị trường ngoại hối, vàng, dầu quốc tế

	30 Apr 21	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2020 (%)
USD index	91.28	0.46%	1.49%	-6.69%
USD/CNY	6.47	-0.33%	-0.80%	-6.27%
USD/EUR	0.83	0.67%	1.62%	-8.21%
USD/JPY	109.27	1.26%	5.84%	-4.94%
USD/KRW	1117.16	0.22%	3.01%	-6.03%
USD/SGD	1.33	0.27%	0.70%	-1.75%
USD/TWD	27.85	-0.66%	-0.82%	-6.13%
USD/THB	31.14	-0.83%	3.66%	0.94%
USD/VND Trung tâm	23158	-0.09%	0.12%	-0.10%
USD/VND LNH	23053	0.02%	-0.15%	-0.38%
USD/VND tự do	23625	-0.44%	1.39%	0.65%
Vàng	1768.59	-0.48%	-6.74%	25.01%
Dầu	63.58	2.32%	31.04%	-20.54%

LIBOR

SIBOR

Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR	
	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.0713	-0.0015		
SW	0.0778	-0.0039		
1M	0.1073	-0.0029	0.2650	0.0000
2M	0.1441	0.0000		
3M	0.1764	0.0008	0.4361	0.0000
6M	0.2049	-0.0015	0.5916	0.0000
1Y	0.2811	-0.0003	0.0000	0.0000

Thị trường chứng khoán thế giới giảm khá tương đồng trong tuần vừa qua do ảnh hưởng của làn sóng Covid-19 đang bùng nổ rất mạnh tại Châu Âu và Châu Á, đặc biệt tại Ấn Độ. Kết thúc phiên thứ Sáu 30/04, chỉ số Dow Jones giảm nhẹ 0,50% w/w, chỉ số DAX giảm 0,94% và chỉ số Shanghai giảm 0,79%.

Giá vàng thế giới giảm nhẹ, đóng cửa phiên 30/04 ở mức 1.768,59 USD/oz, tương đương giảm 0,48% w/w. Giá kim loại quý này giảm trong bối cảnh Fed nhận định tích cực về nền kinh tế Mỹ, đồng thời vẫn giữ LSCS nói lỏng nhằm hỗ trợ sự hồi phục. Bên cạnh đó, lợi suất TPCP Mỹ và chỉ số USD-Index cũng tăng nhẹ trong tuần vừa qua, góp phần tạo áp lực giảm lên giá vàng.

Giá dầu thế giới tăng, dầu WTI của Mỹ đóng cửa ngày thứ Sáu ở mức 63,58USD/thùng, tương đương tăng 2,32% w/w. Giá dầu đi lên khi OPEC+ cho biết triển vọng nhu cầu dầu mỏ trong tương lai vẫn trong xu hướng tăng. Tuy nhiên, việc sản lượng dầu dự trữ tại Mỹ bất ngờ tăng nhẹ trong tuần kết thúc ngày 24/04, trái với dự báo giảm, đã kìm hãm bớt đà tăng giá của loại hàng hóa này trong tuần vừa qua.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn